

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết ngày 31/12/2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 từ trang 6 đến trang 41 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Trung Dương	Trưởng ban	
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 26/01/2016
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 26/01/2016
	Quyền Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 26/01/2016
Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm từ ngày 26/01/2016
Ông Phạm Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	

Theo Quyết định số 146/QĐ-DLTM ngày 08/12/2015 của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh, Bà Trần Thị Hiền – Phó kế toán trưởng Công ty nhận bàn giao công việc từ Ông Võ Phước Hồng - Kế toán trưởng Công ty và phụ trách phòng Kế toán - Tài vụ Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương Mại Tây Ninh từ ngày 10/12/2015.

Bà Nguyễn Thị Phúc không tham gia dự họp Hội Đồng Quản Trị từ tháng 11 năm 2015.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị của Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương mại Tây Ninh ngày 26/01/2016, Ông Lê Hữu Phước từ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Theo đó, Công ty bổ nhiệm Ông Trần Anh Minh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc (Quyền Tổng Giám đốc) của Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương mại Tây Ninh, nhiệm kỳ 2012 - 2016.

Bên cạnh đó, Ông Đặng Văn Hoàng xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của Công ty từ ngày 26/01/2016. Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị cũng có chủ trương ký hợp đồng Ông Đặng Văn Hoàng làm Kế toán trưởng của Công ty trong thời hạn 03 năm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHY ACA).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Anh Minh
Q. Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh, được lập ngày 17/03/2016, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.585.856.454	120.336.959.524
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	49.367.609.195	41.545.716.753
Tiền	111		6.467.609.195	2.845.716.753
Các khoản tương đương tiền	112		42.900.000.000	38.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		86.766.916.667	41.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	86.766.916.667	41.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.177.362.691	14.526.027.469
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	891.284.171	1.754.667.416
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.882.097.638	8.816.011.965
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.141.635.050	4.122.093.551
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(988.683.535)	(477.774.830)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		251.029.367	311.029.367
Hàng tồn kho	140	9	10.619.714.438	16.069.385.939
Hàng tồn kho	141		10.730.946.187	16.138.550.957
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(111.231.749)	(69.165.018)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.654.253.463	6.295.829.363
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	607.914.818	463.226.876
Thuế GTGT được khấu trừ	152		169.356.163	864.346.149
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.876.982.482	4.968.256.338
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.211.161.380	148.474.581.970
Các khoản phải thu dài hạn	210		800.000.000	550.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	800.000.000	550.000.000
Tài sản cố định	220		122.691.536.741	131.242.830.847
Tài sản cố định hữu hình	221	11	122.521.554.353	131.072.848.459
- Nguyên giá	222		235.691.311.755	224.998.327.939
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.169.757.402)	(93.925.479.480)
Tài sản cố định vô hình	227	12	169.982.388	169.982.388
- Nguyên giá	228		169.982.388	169.982.388
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	411.192.544	1.643.218.354
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		411.192.544	1.643.218.354
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	13.305.612.188	13.806.730.378
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.305.612.188	13.806.730.378
Tài sản dài hạn khác	260		1.002.819.907	1.231.802.391
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	984.857.650	1.196.687.374
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		17.962.257	35.115.017
TỔNG TÀI SẢN	270		299.797.017.834	268.811.541.494

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		19.168.754.936	11.669.342.706
Nợ ngắn hạn	310		18.624.667.039	11.434.357.206
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.771.230.162	1.541.215.862
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		62.006.000	4.209.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.106.970.951	12.665.163
Phải trả người lao động	314		7.296.661.193	5.613.237.133
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	314.448.857	274.576.464
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.461.336.364	105.633.717
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.698.582.610	2.930.436.478
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		913.430.902	952.383.389
Nợ dài hạn	330		544.087.897	234.985.500
Phải trả dài hạn khác	337	18	350.953.000	234.985.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		193.134.897	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		280.628.262.898	257.142.198.788
Vốn chủ sở hữu	410	19	279.379.911.484	257.142.198.788
Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.702.100.000	45.702.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		45.702.100.000	45.702.100.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		48.915.600.000	48.915.600.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		56.633.704.487	41.026.393.875
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.539.185.472	16.826.645.868
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.280.874.284)	16.826.645.868
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.820.059.756	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		105.589.321.525	104.671.459.045
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.248.351.414	-
Nguồn kinh phí	431		1.194.252.456	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		54.098.958	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		299.797.017.834	268.811.541.494

Tây Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

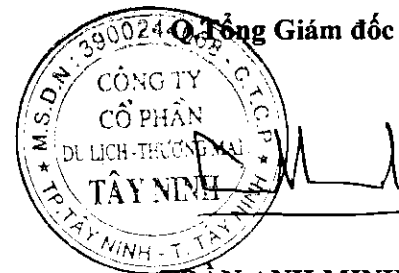


TRẦN THỊ HIỀN

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ HIỀN



TRẦN ANH MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	276.980.543.536	281.035.001.378
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.037
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		276.980.543.536	281.034.999.341
Giá vốn hàng bán	11	21	169.259.986.633	176.436.213.140
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		107.720.556.903	104.598.786.201
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	7.190.249.930	6.503.378.318
Chi phí tài chính	22	23	31.515.693	870.656.050
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>15.244.444</i>	<i>830.156.050</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(612.782.160)	(639.696.191)
Chi phí bán hàng	25	24	24.823.696.819	23.528.849.311
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	15.199.363.507	14.775.024.378
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.243.448.654	71.287.938.589
Thu nhập khác	31	25	1.814.520.040	4.085.337.128
Chi phí khác	32		294.075.871	131.725.279
Lợi nhuận khác	40		1.520.444.169	3.953.611.849
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.763.892.823	75.241.550.438
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	16.314.067.747	15.508.891.897
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	210.287.657	679.607.006
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59.239.537.419	59.053.051.535
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		30.934.515.176	31.906.567.615
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		28.305.022.243	27.146.483.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	6.262	6.359
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	6.262	6.359

Người lập biểu



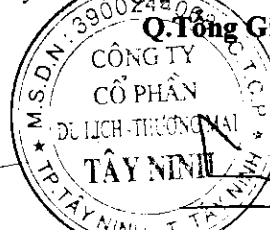
TRẦN THỊ HIỀN

Phụ trách kế toán




TRẦN THỊ HIỀN

Tây Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2016



Q. Tổng Giám đốc



TRẦN ANH MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		75.763.892.823	75.241.550.438
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.737.132.731	19.535.178.298
Các khoản dự phòng	03		1.430.861.333	486.939.848
Lãi/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	04		(142.284)	(30.259)
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05		(6.600.643.735)	(7.157.445.615)
Chi phí lãi vay	06		15.681.944	830.156.050
Các điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		90.346.782.812	88.936.348.760
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		33.565.969.730	(3.721.409.406)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		5.106.599.479	(4.868.484.058)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(49.498.649.409)	9.301.903.224
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		67.141.782	(779.764.018)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.681.944)	(830.156.050)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.539.065.016)	(19.784.061.989)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.370.321.735	1.057.843.946
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.414.708.709)	(12.052.475.645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		60.988.710.460	57.259.744.764
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.007.892.744)	(31.518.881.879)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.179.348.273	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(147.666.916.667)	(37.821.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		102.800.000.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	549.276.500
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		7.012.752.836	5.331.728.554
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(47.682.708.302)	(63.459.376.825)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

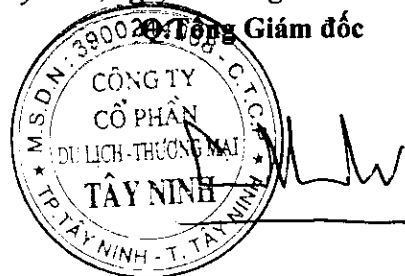
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		22.900.000.000	13.022.200.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(22.900.000.000)	(18.720.200.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.484.252.000)	(5.483.088.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.484.252.000)	(11.181.088.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.821.750.158	(17.380.720.061)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	41.545.716.753	58.926.406.555
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		142.284	30.259
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	49.367.609.195	41.545.716.753

Tây Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



TRẦN THỊ HIỀN

TRẦN THỊ HIỀN

TRẦN ANH MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 329/QĐ-CT ngày 13/4/2005 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du lịch Tây Ninh, và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/3/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900244068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất là lần thứ 7 ngày 01 tháng 8 năm 2014 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 của Công ty là 45.702.100.000 đồng được chia thành 4.570.210 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố Ninh Phước, Phường Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bia, nước giải khát, hàng nông sản, kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch.

1.3 CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO**Danh sách các Công ty con**

1. Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh
Trụ sở chính : Phường Ninh Sơn, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
Vốn điều lệ : 127.880.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 51%.
2. Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh
Trụ sở chính : Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh.
Vốn điều lệ : 3.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 86,06%.

Danh sách các Công ty liên kết

1. Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh
Trụ sở chính : Quốc lộ 22B, xã Long Thành Nam, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh
Vốn điều lệ : 9.298.300.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 36,27%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.3 CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO (TIẾP)****Danh sách các Công ty liên kết (tiếp)**

2. Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh
Trụ sở chính : 436 Đường 30/4, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
Vốn điều lệ : 40.875.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 22,70%

2 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ KỲ KẾ TOÁN**2.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các Thông tư này không yêu cầu Công ty phải điều chỉnh hồi tố số liệu trong Báo cáo tài chính của các kỳ trước.

2.2 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Các Thông tư này không yêu cầu Công ty phải thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe và chi phí thuê kho trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo phương pháp giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và các khoản đầu tư dài hạn khác được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

4.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.10 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty xác định tương đối chắc chắn dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh, quyền kiểm soát (chi phối) và kế hoạch chia lợi nhuận các đơn vị nhận đầu tư.

4.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Riêng Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động thương mại, hoạt động vận chuyển, hoạt động nhà hàng khách sạn, hoạt động du lịch lữ hành và hoạt động khác.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	329.625.612	667.048.705
Tiền gửi ngân hàng	6.137.983.583	2.178.668.048
Các khoản tương đương tiền (*)	42.900.000.000	38.700.000.000
Cộng	49.367.609.195	41.545.716.753

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4%/năm.

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,

P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.766.916.667	86.766.916.667	41.900.000.000	41.900.000.000
Ngắn hạn	86.766.916.667	86.766.916.667	41.900.000.000	41.900.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	86.766.916.667	86.766.916.667	41.900.000.000	41.900.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đại chúng Tây Ninh</i>	<i>24.500.000.000</i>	<i>24.500.000.000</i>	<i>13.000.000.000</i>	<i>13.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Công thương Tây Ninh</i>	<i>7.800.000.000</i>	<i>7.800.000.000</i>	<i>4.500.000.000</i>	<i>4.500.000.000</i>
<i>Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh</i>	<i>9.300.000.000</i>	<i>9.300.000.000</i>	<i>8.400.000.000</i>	<i>8.400.000.000</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Tây Ninh</i>	<i>8.100.000.000</i>	<i>8.100.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Tây Ninh</i>	<i>1.900.000.000</i>	<i>1.900.000.000</i>	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Tây Ninh</i>	<i>9.800.000.000</i>	<i>9.800.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Phát Triển Tây Ninh</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Bản Việt Tây Ninh</i>	<i>12.600.000.000</i>	<i>12.600.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội Tây Ninh</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM -CNTây Ninh</i>	<i>6.200.000.000</i>	<i>6.200.000.000</i>	-	-
<i>Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Hòa Thành</i>	<i>1.066.916.667</i>	<i>1.066.916.667</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,

P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Tại 31/12/2015			Tại 01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	14.262.797.860	13.305.612.188	-	14.262.797.860	13.806.730.378	-
+ Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh (1)	3.709.415.000	3.948.916.018	-	3.709.415.000	3.545.652.757	-
+ Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (2)	10.553.382.860	9.356.696.169	-	10.553.382.860	10.261.077.621	-

Ghi chú:

(1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 36,3% vốn điều lệ của Công ty này.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty này là 22,70%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Châu Ngọc Hân	-	188.600.000
DNTN Tuấn Hùng	-	185.900.000
Công ty Bảo Hiểm PVI Bình Dương	-	23.584.116
Công ty CP Công Nghệ Môi trường & Xây Dựng Sài Gòn	-	2.746.200
Tạp hóa Nhân Trang	209.523.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	681.761.171	1.353.837.100
Cộng	891.284.171	1.754.667.416
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình Tây Ninh	-	32.674.000
Cộng	-	32.674.000

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
a. Ngắn hạn	5.141.635.050	4.122.093.551
Tạm ứng	263.410.500	266.430.961
Cổ tức phải thu	-	337.220.000
<i>Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh</i>	-	337.220.000
Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng	1.542.769.028	1.379.243.334
Tiền thuế TNCN	68.824.756	109.675.454
Công ty Bảo hiểm PVI Bình Dương	-	26.480.000
Phải thu người lao động	131.169.789	-
Cầm cố ký quỹ, ký cược	1.774.401.422	1.523.686.422
Phải thu khác	1.361.059.555	479.357.380
b. Dài hạn	800.000.000	550.000.000
Cầm cố ký quỹ, ký cược	800.000.000	550.000.000
Cộng	5.941.635.050	4.672.093.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.545.619.993	(111.231.749)	3.884.352.834	(69.165.018)
Công cụ, dụng cụ	3.174.225.725	-	3.050.234.926	-
Hàng hóa	4.011.100.469	-	9.203.963.197	-
Cộng	10.730.946.187	(111.231.749)	16.138.550.957	(69.165.018)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
a. Ngắn hạn	607.914.818	463.226.876
Chi phí sửa chữa	128.624.102	21.895.833
Công cụ dụng cụ	29.122.348	82.792.319
Chi phí in vé dịch vụ sử dụng	277.489.110	270.266.768
Chi phí tư vấn lập phương án khai thác KS tỉnh Ủy Tây Ninh	120.000.000	-
Chi phí in lịch năm 2016	44.500.000	-
Khác	8.179.258	88.271.956
b. Dài hạn	984.857.650	1.196.687.374
Tiền thuê đất quảng cáo (Ngã 3 Bàu Nặng)	40.333.328	-
Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ	1.386.666	11.780.262
Chi phí công cụ, dụng cụ	412.993.021	672.933.137
Chi phí sửa chữa via hè, bậc cấp, mái che ga trên cáp	53.754.184	-
Chi phí thuê đất đặt pano quảng cáo ngã tư núi	1.041.663	-
Phí gia công lắp đặt hệ thống chống sét	238.610.909	-
Chi phí sửa chữa, nâng cấp	75.108.178	-
Phí thay cáp tuyến cáp treo	5.841.820	-
Chi phí thuê kho	136.363.638	409.090.910
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.424.243	102.883.065
Cộng	1.592.772.468	1.659.914.250

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2015	60.510.888.911	150.186.157.129	7.485.126.019	5.081.428.311	1.734.727.569	224.998.327.939
- Mua trong năm	63.000.000	6.869.422.608	-	156.250.000	-	7.088.672.608
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.206.495.946	-	-	-	-	5.206.495.946
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.602.184.738)	-	-	(1.602.184.738)
Tại 31/12/2015	65.780.384.857	157.055.579.737	5.882.941.281	5.237.678.311	1.734.727.569	235.691.311.755
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2015	21.363.587.501	68.251.051.064	2.474.087.442	1.490.045.462	346.708.011	93.925.479.480
- Khấu hao trong năm	5.543.645.105	12.390.044.582	797.313.447	739.874.943	267.405.696	19.738.283.773
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(494.005.851)	-	-	(494.005.851)
Tại 31/12/2015	26.907.232.606	80.641.095.646	2.777.395.038	2.229.920.405	614.113.707	113.169.757.402
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2015	39.147.301.410	81.935.106.065	5.011.038.577	3.591.382.849	1.388.019.558	131.072.848.459
Tại 31/12/2015	38.873.152.251	76.414.484.091	3.105.546.243	3.007.757.906	1.120.613.862	122.521.554.353

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015: 47.414.976.517 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất tại xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Quyền sử dụng đất của Công ty không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Chi phí xây lắp công trình nước sinh hoạt	-	-	120.195.180	120.195.180
Chi phí xây lắp khu bán đồ cúng, đồ lưu niệm	-	-	1.321.396.364	1.321.396.364
Chi phí TVTK bãi xe VIP, xe lửa, xe điện	-	-	125.422.338	125.422.338
Chi phí TVTT bãi xe VIP, xe lửa, xe điện	-	-	7.851.818	7.851.818
Chi phí nhập khẩu 9 cabin cáp treo	-	-	68.352.654	68.352.654
Chi phí lập báo cáo KTKT công trình công-hàng rào	9.090.909	9.090.909	-	-
Chi phí tư vấn thẩm tra công trình công-hàng rào	3.636.364	3.636.364	-	-
Chi phí thẩm định giá bảng pano	2.750.000	2.750.000	-	-
Chi phí BQLDA công trình văn phòng	9.185.455	9.185.455	-	-
Chi phí khảo sát địa chất văn phòng công ty	105.473.636	105.473.636	-	-
Chi phí BQLDA cáp treo lên đỉnh	112.191.635	112.191.635	-	-
Chi phí tư vấn khảo sát cáp treo lên đỉnh	168.864.545	168.864.545	-	-
Cộng	411.192.544	411.192.544	1.643.218.354	1.643.218.354

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,

P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***14. NỢ XẤU**

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	988.683.535	-	477.774.830	-
+ DNTN Ngọc Giàu	69.060.000	-	60.000.000	-
+ Nguyễn Văn Huy	495.185.586	-	319.856.031	-
+ Lê Hiền Trí	208.450.249	-	97.918.799	-
+ Công ty TNHH Châu Ngọc Hân	135.550.000	-	-	-
+ HKD Nguyễn Bích Vân	70.198.800	-	-	-
+ Lê Phước Vũ	10.238.900	-	-	-
Cộng	988.683.535		477.774.830	

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Bia và Nước Giải Khát Việt Nam	-	-	841.110.070	841.110.070
Ban QL Khu Di tích LS VH Danh thắng và DL núi Bà Đen	-	-	174.159.021	174.159.021
Công ty CP Nước Khoán Vĩnh Hào	-	-	137.655.396	137.655.396
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	136.808.787	136.808.787	224.544.255	224.544.255
Công ty CP Công nghệ Môi trường & Xây Dựng Saigon	708.148.800	708.148.800	-	-
Công ty Cổ Phần Xây Dựng TM & DV Tân Trường Thịnh	260.250.000	260.250.000	-	-
Công ty TNHH Kim Sơn	383.000.000	383.000.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	283.022.575	283.022.575	163.747.120	163.747.120
Cộng	1.771.230.162	1.771.230.162	1.541.215.862	1.541.215.862

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,

P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại 31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	-	258.251.927	145.406.032	112.845.895
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.944.163	36.247.729	39.065.016	9.126.876
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.116.000	1.116.000	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	472.182.202	472.182.202	-
- Các loại thuế khác	721.000	33.664.129	33.664.129	721.000
- Phí tham quan vào công	-	27.477.408.000	27.008.928.000	468.480.000
- Phí sử dụng dịch vụ môi trường rừng	-	212.914.996	-	212.914.996
- Phí khác nộp Nhà nước	-	302.882.184	-	302.882.184
Cộng	12.665.163	28.794.667.167	27.700.361.379	1.106.970.951
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng	182.000.000	31.753.205.081	31.571.205.081	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.559.107.813	16.277.820.018	13.500.000.000	1.781.287.795
- Thuế thu nhập cá nhân	134.674.025	168.107.891	79.161.948	45.728.082
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	29.164.129	40.906.234	11.742.105
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	92.474.500	521.455.250	467.205.250	38.224.500
Cộng	4.968.256.338	48.749.752.369	45.658.478.513	1.876.982.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	314.448.857	274.576.464
Trích trước chi phí thẩm định giá tài sản Khu Du Lịch	40.909.091	-
Trích trước chi phí thẩm định xác định giá trị vốn chủ sở hữu Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	22.727.273	-
Trích trước quỹ phòng chống thiên tai năm 2015.	39.055.713	-
Trích trước chi phí phòng kinh doanh	12.330.780	50.096.464
Phí kiểm toán, tư vấn	-	90.500.000
Trích trước chi phí thuê đất	71.926.000	-
Chi phí phải trả khác	127.500.000	133.980.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	314.448.857	274.576.464

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
a. Ngắn hạn	3.698.582.610	2.930.436.478
Kinh phí công đoàn	42.041.379	65.469.304
Bảo hiểm xã hội	45.724.632	6.185.830
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.957.222.661	2.372.489.033
Bảo hành công trình	130.554.000	324.871.403
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	59.920.000	38.740.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	463.119.938	122.680.908
b. Dài hạn	350.953.000	234.985.500
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	350.953.000	234.985.500
Cộng	4.049.535.610	3.165.421.978

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 45.702.100.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ bảy trăm lẻ hai triệu một trăm ngàn đồng chẵn), chia thành 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Chi tiết vốn đầu tư của Công ty như sau:

Cổ đông	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ %
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh	36.942.300.000	80,83%	36.942.300.000	80,83%
Cty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh	1.978.800.000	4,33%	1.978.800.000	4,33%
Ông Lê Hữu Phước	29.000.000	0,06%	29.000.000	0,06%
Các cổ đông khác	6.752.000.000	14,77%	6.752.000.000	14,77%
Cộng	45.702.100.000	100%	45.702.100.000	100%

19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.702.100.000	45.702.100.000
+ Vốn góp đầu năm	45.702.100.000	45.702.100.000
+ Vốn góp cuối năm	45.702.100.000	45.702.100.000

19.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2015 Cổ phiếu	Tại 01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

19.4 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	56.633.704.487	41.026.393.875

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2014	45.702.100.000	-	70.738.314.925	7.945.727.325	-	5.728.323.546	100.915.036.330	231.029.502.126
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	31.906.567.615	27.146.483.920	59.053.051.535
- Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(5.484.252.000)	(14.123.407.530)	(19.607.659.530)
- Thưởng thù lao HĐQT, BKS năm 2014	-	-	-	-	-	(981.607.527)	(631.592.473)	(1.613.200.000)
- Trích các quỹ năm nay	-	-	13.102.684.486	-	-	(15.245.721.789)	(1.561.085.883)	(3.704.123.186)
- Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính	-	-	2.750.612.098	(2.750.612.098)	-	-	-	-
- Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	(765.223.730)	(236.195.281)	-	903.336.023	(7.073.975.319)	(7.172.058.307)
- Giảm quỹ đầu tư phát triển	-	-	(48.915.600.000)	-	48.915.600.000	-	-	-
- Giảm quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	(843.313.850)	-	-	-	(843.313.850)
Tại 31/12/2014	45.702.100.000	-	36.910.787.779	4.115.606.096	48.915.600.000	16.826.645.868	104.671.459.045	257.142.198.788
Điều chỉnh phân loại theo TT 200/2014 và TT 202/2014		48.915.600.000	4.115.606.096	(4.115.606.096)	(48.915.600.000)			
Tại 01/01/2015	45.702.100.000	48.915.600.000	41.026.393.875	-	-	16.826.645.868	104.671.459.045	257.142.198.788
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	30.934.515.176	28.305.022.243	59.239.537.419
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.484.252.000)	(25.088.767.530)	(30.573.019.530)
- Thưởng thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(1.105.948.082)	(757.251.918)	(1.863.200.000)
- Trích quỹ	-	-	15.607.310.612	-	-	(18.631.775.490)	(1.541.140.315)	(4.565.605.193)
Tại 31/12/2015	45.702.100.000	48.915.600.000	56.633.704.487	-	-	22.539.185.472	105.589.321.525	279.379.911.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	117.243.438.679	109.297.671.850
Doanh thu dịch vụ du lịch	7.327.516.411	11.475.293.659
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	-	8.821.201.505
Doanh thu thương mại	140.170.009.115	150.349.154.604
Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.928.363.563	-
Doanh thu dịch vụ giữ xe, nón bảo hiểm	4.021.697.277	-
Doanh thu dịch vụ hàng Rỗng	991.436.363	-
Doanh thu khác	1.298.082.128	1.091.679.760
Cộng	276.980.543.536	281.035.001.378

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	22.489.470.946	21.240.881.500
Giá vốn dịch vụ du lịch	6.633.455.049	9.607.354.825
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn	-	3.979.692.750
Giá vốn thương mại	134.229.570.015	141.130.644.780
Giá vốn cho thuê mặt bằng	2.268.212.730	-
Giá vốn dịch vụ giữ xe, nón bảo hiểm	3.153.140.679	-
Giá vốn dịch vụ hàng Rỗng	366.011.227	-
Giá vốn khác	120.125.987	477.639.285
Cộng	169.259.986.633	176.436.213.140

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.141.501.630	5.908.360.780
Lãi do thoái vốn công ty con	-	549.276.500
Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	-	1.393.356
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	142.284	30.259
Doanh thu hoạt động tài chính khác	48.606.016	44.317.423
Cộng	7.190.249.930	6.503.378.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	15.244.444	830.156.050
Chi phí tư vấn, đấu giá	-	40.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá thuê chuyên gia	15.833.749	-
Chi phí tài chính khác	437.500	-
Cộng	31.515.693	870.656.050

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	9.964.462.769	9.104.271.301
Chi phí nguyên vật liệu	42.776.217	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	267.052.206	427.978.044
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	389.639.709	195.387.580
Thuế và các khoản lệ phí	261.170.172	1.426.058.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	564.678.605	337.916.756
Chi phí khác bằng tiền	3.709.583.829	3.283.412.236
Cộng	15.199.363.507	14.775.024.378
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng</i>		
Chi phí nhân viên bán hàng	16.563.204.857	15.866.579.494
Chi phí vật liệu bao bì	431.064.275	-
Chi phí công cụ dụng cụ	393.058.139	2.449.600.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.997.496	448.593.773
Chi phí hàng hoá, dịch vụ mua ngoài	2.218.773.841	938.837.487
Chi phí khác bằng tiền	5.059.598.211	3.825.237.744
Cộng	24.823.696.819	23.528.849.311
<i>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thù lao người đại diện vốn	326.283.333	-
Thu nhập khác hoạt động kinh doanh bia, nước giải khát	751.779.469	-
Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, công cụ dụng cụ	1.818.182	1.348.954.526
Xử lý công nợ phải trả	-	609.776.392
Tiền điện, nước thu hộ	135.701.730	
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.368.868.000
Thu nhập từ tài trợ, hàng tặng	-	218.705.220
Thưởng doanh số, chiết khấu bán vé	23.459.883	63.113.566
Cho thuê vườn cây	29.929.016	-
Thu nhập khác	545.548.427	475.919.424
Cộng	1.814.520.040	4.085.337.128

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí hành lý, nhượng bán TSCĐ	39.739.705	-
Chi phí thâm định giá	1.650.000	-
Chi phí vận chuyển khách bằng xe ngựa	165.000.000	-
Chi phí phạt thuế	-	13.335.260
Các khoản chi phí khác	87.686.166	118.390.019
Cộng	294.075.871	131.725.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.763.892.823	75.241.550.438
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.592.563.189)	(539.631.626)
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(5.421.944.328)	(873.354.603)
<i>Lợi nhuận điều chỉnh giảm khi hợp nhất</i>	(877.885.897)	6.363.030
<i>- Phần lợi nhuận/ (lỗ) trong công ty liên kết</i>	612.782.160	639.696.191
<i>Chi phí phải trả năm trước</i>	(53.980.000)	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện năm trước</i>	(105.633.717)	-
<i>Cổ tức</i>	-	-
<i>- Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>	(142.284)	(1.519.413.824)
<i>Chuyển lỗ từ các năm trước</i>	(4.997.084.590)	-
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	3.829.381.139	333.722.977
<i>Chi phí không được trừ</i>	301.489.062	-
<i>Chi phí phải trả</i>	66.555.713	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện</i>	3.461.336.364	-
<i>Lợi nhuận điều chỉnh tăng khi hợp nhất</i>	-	-
<i>Tăng khác</i>	-	333.722.977
Thu nhập chịu thuế	74.171.329.634	74.701.918.812
Thu nhập chịu suất 22%	73.990.090.991	70.183.071.073
Thu nhập chịu suất 20%	181.238.643	280.581.305
Chi phí thuế TNDN	16.314.067.747	15.496.391.897
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tương ứng với thuế suất 22%</i>	16.277.820.018	15.440.275.636
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tương ứng với thuế suất 20%</i>	36.247.729	56.116.261
Thuế TNDN truy thu các năm trước	-	12.500.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.314.067.747	15.508.891.897

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(17.962.257)	(35.115.017)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế	193.134.897	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	35.115.017	714.722.023
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	210.287.657	679.607.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.934.515.176	31.906.567.615
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.934.515.176	31.906.567.615
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(2.314.100.454)	(2.844.440.112)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.570.210	4.570.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.262	6.359

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.934.515.176	31.906.567.615
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.934.515.176	31.906.567.615
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(2.314.100.454)	(2.844.440.112)
Tổng số lượng cổ phiếu	4.570.210	4.570.210
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.570.210	4.570.210
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.262	6.359

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.9.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	5.194.805.231	350.953.000	-	5.545.758.231
Chi phí phải trả	314.448.857	-	-	314.448.857
Cộng	5.509.254.088	350.953.000	-	5.860.207.088
Tại 01/01/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	4.036.385.803	234.985.500	-	4.271.371.303
Chi phí phải trả	274.576.464	-	-	274.576.464
Cộng	4.310.962.267	234.985.500	-	4.545.947.767

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.367.609.195	-	-	49.367.609.195
Phải thu khách hàng và phải thu	3.038.061.613	800.000.000	-	3.838.061.613
Cộng	52.405.670.808	800.000.000	-	53.205.670.808
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.545.716.753	-	-	41.545.716.753
Phải thu khách hàng và phải thu	3.279.936.388	550.000.000	-	3.829.936.388
Cộng	44.825.653.141	550.000.000	-	45.375.653.141

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động thương mại, hoạt động nhà hàng, khách sạn, hoạt động du lịch, lữ hành, hoạt động vận chuyển và hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra tại khu vực kinh doanh của Công ty (Tỉnh Tây Ninh).

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,

P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2015	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động vận chuyển VND	Hoạt động nhà hàng, khách sạn VND	Hoạt động du lịch, lữ hành VND	Hoạt động khác VND	Không phân bổ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần bộ phận	140.170.009.115	117.243.438.679	-	7.327.516.411	12.239.579.331	-	276.980.543.536
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	58.029.653.893	3.877.679.509	-	91.609.091	-	(61.998.942.493)	-
Tổng doanh thu thuần	198.199.663.008	121.121.118.188	-	7.419.125.502	12.239.579.331	(61.998.942.493)	276.980.543.536
Chi phí bộ phận	(134.229.570.015)	(22.489.470.946)	-	(6.633.455.049)	(5.907.490.623)	-	(169.259.986.633)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	(58.029.653.893)	(3.877.679.509)	-	(91.609.091)	-	61.998.942.493	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	5.940.439.100	94.753.967.733	-	694.061.362	6.332.088.708	-	107.720.556.903
Doanh thu tài chính	1.332.685.315	5.784.441.952	-	73.122.663	-	-	7.190.249.930
Chi phí tài chính	(15.244.444)	(15.833.749)	-	(437.500)	-	-	(31.515.693)
Thu nhập khác	1.605.107.302	167.452.813	-	41.959.925	-	-	1.814.520.040
Chi phí khác	(12.537.310.369)	(26.291.114.986)	-	(1.488.710.842)	-	-	(40.317.136.197)
Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	(612.782.160)	(612.782.160)
Lợi nhuận trước thuế	(3.674.323.096)	74.398.913.763	-	(680.004.392)	6.332.088.708	(612.782.160)	75.763.892.823
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	(16.277.820.018)	-	(36.247.729)	-	-	(16.314.067.747)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(17.152.760)	-	-	-	(193.134.897)	(210.287.657)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.674.323.096)	58.103.940.985	-	(716.252.121)	6.332.088.708	(805.917.057)	59.239.537.419

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,

P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2014	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động vận chuyển VND	Hoạt động nhà hàng, khách sạn VND	Hoạt động du lịch, lữ hành VND	Hoạt động khác VND	Không phân bổ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần bộ phận	150.349.154.604	109.297.671.850	8.821.199.468	11.475.293.659	1.091.679.760	-	281.034.999.341
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	40.283.043.387	2.454.545	-	-	20.158.779	(40.305.656.711)	-
Tổng doanh thu thuần	190.632.197.991	109.300.126.395	8.821.199.468	11.475.293.659	1.111.838.539	(40.305.656.711)	281.034.999.341
Chi phí bộ phận	(150.496.284.649)	(44.236.225.643)	(8.316.223.383)	(11.213.713.869)	(477.639.285)	-	(214.740.086.829)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	(44.782.294.949)	(1.380.111.520)	-	(111.036.364)	-	46.273.442.833	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	(4.646.381.607)	63.683.789.232	504.976.085	150.543.426	634.199.254	5.967.786.122	66.294.912.512
Doanh thu tài chính	987.739.267	5.435.295.495	3.046.965	77.296.591	-	-	6.503.378.318
Chi phí tài chính	(48.538.265)	(43.235.889)	(778.881.896)	-	-	-	(870.656.050)
Thu nhập khác	2.337.549.792	1.671.750.770	2.450.000	73.586.566	-	-	4.085.337.128
Chi phí khác	(97.575.000)	(13.335.260)	-	(20.815.019)	-	-	(131.725.279)
Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	(639.696.191)	(639.696.191)
Lợi nhuận trước thuế	(1.467.205.813)	70.734.264.348	(268.408.846)	280.611.564	634.199.254	5.328.089.931	75.241.550.438
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	(15.452.775.636)	-	(56.116.261)	-	-	(15.508.891.897)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(334.876.132)	(344.730.874)	-	-	-	-	(679.607.006)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.802.081.945)	54.936.757.838	(268.408.846)	224.495.303	634.199.254	5.328.089.931	59.053.051.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các công ty liên doanh, liên kết, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

Các bên liên quan

Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh

Mối quan hệ

Cổ đông sáng lập
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh		-
Bán hàng	913.185.455	1.122.007.818
Mua Hàng	-	49.958.709.952
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh		
Cổ tức đã trả	4.433.076.000	4.253.076.000

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh		
Phải thu	-	32.674.000
Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh		
Cổ tức phải thu	118.027.000	337.220.000

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 Những khoản nợ tiềm tàng

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

34.2 Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê kho số 01/HĐTK ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH Tân Ngọc Lực, thời hạn 05 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, đơn giá thuê đã là 25.000.000 đồng/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**34.2 Cam kết thuê hoạt động (tiếp)**

- Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 949,1 m² đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê 50 năm từ ngày 27 tháng 3 năm 2006 đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2056. Đơn giá thuê:
 - Từ 27/3/2006 – 26/3/2011: 9.750 đồng/m²/năm.
 - Từ 27/3/2011 – 26/3/2016: 45.360 đồng/m²/năm.
 - Sau ngày 26/3/2016: đơn giá thuê được tính lại theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

34.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh ngày 26/01/2016, Ông Lê Hữu Phước từ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Theo đó, Công ty bổ nhiệm Ông Trần Anh Minh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc (Quyền Tổng Giám đốc) của Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương mại Tây Ninh, nhiệm kỳ 2012 – 2016.

Bên cạnh đó, Nghị Quyết Hội đồng Quản Trị cũng có chủ trương bổ nhiệm Ông Đặng Văn Hoàng làm Kế toán trưởng của Công ty trong thời hạn 03 năm.

Ngoài ra, Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

34.4 Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán.

Như được nêu tại Thuyết minh số 3.1: Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp nên một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Bảng cân đối kế toán			
Đầu tư ngắn hạn	121	41.900.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	41.900.000.000
Các khoản phải thu khác	135	2.331.976.168	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	-	4.122.093.551
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	311.029.367
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.101.146.750	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	48.915.600.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	48.915.600.000	-

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.981	6.359

Tây Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



TRẦN THỊ HIỀN

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ HIỀN

Tổng Giám đốc



TRẦN ANH MINH